

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA**

Bản án số: **47/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 04 - 5 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về con
chung khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Vinh

2. Ông Đặng Trần Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Nguyễn Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Giỏi Mạnh Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 156/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Kiều Thị Ngọc H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Trần Nhật T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn N, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kiều Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Trần Nhật T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa (Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 11/4/2017). Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nay, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, không thể hàn gắn, cả hai đã sống ly thân nhiều năm.

Do đó, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Nhật T.

Về con chung: Bà và ông Trần Nhật T có 02 (hai) con chung là Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 16/4/2017 và Trần Nhật Q, sinh ngày 15/7/2021. Bà đề nghị Tòa án giao 02 con chung là Trần Ngọc Khánh L và Trần Nhật Q cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện cả 02 con đang ở cùng với bà.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng, bao gồm các buổi làm việc, phiên họp và phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm (nếu có).

Tại Bản trình bày ý kiến và xin xét xử vắng mặt ngày 17/3/2026, bị đơn ông Trần Nhật T trình bày:

Ông và bà Kiều Thị Ngọc H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa) (Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 11/4/2017). Ông và bà H có 02 con chung là Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 16/4/2017 và Trần Nhật Q, sinh ngày 15/7/2021. Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn. Cả hai đã sống ly thân nhiều năm. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Ông đề nghị giao 02 con chung là Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 16/4/2017 và Trần Nhật Q, sinh ngày 15/7/2021 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông và bà H thỏa thuận bà H không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhưng do thường xuyên đi làm xa nhà, do đó, ông đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt ông tại tất cả các giai đoạn tố tụng, bao gồm các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải (nếu có) và các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 51, 53, 55, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 26, 28, 48, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị Ngọc H. Về quan hệ hôn nhân: Bà Kiều Thị Ngọc H được ly hôn với ông Trần Nhật T. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 16/4/2017 và Trần Nhật Q, sinh ngày 15/7/2021 cho bà Kiều Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Bà Kiều Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Kiều Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Nhật T cư trú tại Thôn N, phường B, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa; quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn”.

Nguyên đơn bà Kiều Thị Ngọc H và bị đơn ông Trần Nhật T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bà Kiều Thị Ngọc H và ông Trần Nhật T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kiều Thị Ngọc H và ông Trần Nhật T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 11/4/2017 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của bà H và ông T, quá trình chung sống, cả hai có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai đã sống ly thân nhiều năm. Quá trình giải quyết vụ án, ông T đồng ý ly hôn với bà H; đồng thời, cả bà H và ông T đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng; điều này thể hiện bà H và ông T không có thiện chí đoàn tụ gia đình với nhau, kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà H về việc giải quyết ly hôn với ông T là có cơ sở, phù hợp với

quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo giấy khai sinh và lời khai của bà H, ông T thể hiện bà H và ông T có 02 (hai) con chung là Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 16/4/2017 và Trần Nhật Q, sinh ngày 15/7/2021. Hiện 02 (hai) cháu L và Q đang sinh sống ổn định với bà H. Bà H đề nghị Tòa án giao 02 (hai) con chung là L và Q cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy hiện bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) cháu Trần Ngọc Khánh L và Trần Nhật Q. Tại Bản tự khai ngày 16/3/2026, cháu Trần Ngọc Khánh L trình bày nguyện vọng được ở với bà H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung phát triển toàn diện và được sống ổn định nên giao 02 (hai) cháu Trần Ngọc Khánh L và Trần Nhật Q cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí: Nguyên đơn bà Kiều Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Kiều Thị Ngọc H được ly hôn ông Trần Nhật T.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao 02 (hai) con chung là các cháu Trần Ngọc Khánh L, sinh ngày 16/4/2017 và Trần Nhật Q, sinh ngày 15/7/2021 cho bà Kiều Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Nhật T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Bà Kiều Thị Ngọc H không yêu cầu ông Trần Nhật T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết, bà H và ông T đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Kiều Thị Ngọc H và ông Trần Nhật T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Kiều Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001395 ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Kiều Thị Ngọc H và ông Trần Nhật T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 1 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang (nay là phường Bắc Nha Trang), tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số 31 ngày 11/4/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

